TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/DS-ST
Ngày: 28- 5 - 2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Anh Thư;
2. Bà Nguyễn Thị Song Trà.

- ***Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Trạng***, là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa***: Bà Trần Phi Phi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 337/2020/TLST- DS ngày 17/4/2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-DS, ngày 17/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2020/QĐST - DS ngày 06/5/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 345/4 đường Hùng V, tổ 05, phường Trần P, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương N, sinh năm 1972; Hẻm 150 đường Phan Bội C, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/12/2019, bản tự khai ngày 20/2/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày: Thông qua các mối quan hệ ngoài xã hội, vào ngày 09/01/2019 dương lịch nhằm ngày 04/12/2018 âm lịch bà Nguyễn Thị Phương N có mượn của bà số tiền 120.000.000 đồng *(Một trăm hai mươi triệu đồng),* không có thỏa thuận về tiền lãi, với mục đích là để làm ăn, bà N có cam kết trả cho bà C trong vòng 03 tháng kể từ ngày mượn tiền. Đến ngày 24/2/2019 dương lịch nhằm ngày 20/01/2019 âm lịch, bà N đã trả cho bà C được số tiền 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng).* Từ đó đến nay bà C nhiều lần thúc giục yêu cầu bà N trả nợ số tiền còn lại nhưng bà N cứ hứa hẹn dây dưa,

không chịu trả nợ cho bà và cố tình trốn tránh trách nhiệm trả nợ, nhiều lần bà đến nhà để gặp bà N yêu cầu trả nợ nhưng bà N trốn tránh không gặp mặt bà.

Khi mượn số tiền 120.000.000 đồng thì bà Nguyễn Thị Phương N có tự viết và ký vào giấy mượn tiền, đến khi trả số tiền 20.000.000 đồng bà N cũng tự viết vào giấy mượn tiền đã viết và ký trước đó.

Nay bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Phương N phải thanh toán số tiền nợ còn lại cho bà C là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương N đã được Tòa án tống đạt các Văn bản tố tụng và Giấy triệu tập để Tòa án làm việc về nội dung trong yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C, nhưng bà N không chấp hành, vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa, nên không có ý kiến của bị đơn trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi cho rằng quá trình thụ lý, tống đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết Toà án đã thực hiện đúng quy định pháp luật, thời hạn giải quyết vụ án đúng quy định Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; bị đơn không chấp hành pháp luật. Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sơ thẩm theo quy định pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố, thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* là số tiền nợ còn lại mà bị đơn đã mượn của nguyên đơn; tại giấy mượn tiền đề ngày 4/12/2018 AL thể hiện bà Nguyễn Thị Phương N có nhà hẻm 150 Phan Bội C, thành phố Quảng Ngãi; đồng thời tại biên bản xác minh ngày 24/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi bà Nguyễn Thị Phương N có nơi cư trú, làm ăn, sinh sống tại hẻm 150, đường Phan Bội C, phường Lê Hồng Phong thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi nhưng hiện nay bà Nguyễn Thị Phương N không có mặt tại nơi cư trú hẻm 150 đường Phan Bội C, phường Lê Hồng P, thành phố Quảng Ngãi. Do đó, có cơ sở để xác định: Quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và trường hợp của bà N được xem là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1.2]. Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu của nguyên đơn và căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là bản gốc "*giấy mượn tiền đề ngày 4/12/2018 AL" (Bút lục số 13)*. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để bà Nguyễn Thị Phương N đến Tòa làm việc về nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C, nhưng bà N đều vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, đồng thời sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng Tòa án đã thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 147/TB-TA ngày 11-3-2020 *(trong thông báo về kết quả phiên họp có thể hiện rõ chứng cứ nêu trên cho bà Nguyễn Thị Phương N theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật)*. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh và Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ hiện có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong nội dung giấy mượn tiền đề ngày 4/12/2018 AL thể hiện vào ngày 4/12/2018 AL (Tức ngày 09/01/2019) bà Nguyễn Thị N có mượn của bà Nguyễn Thị Kim C số tiền 120.000.000 đồng, hẹn 3 tháng sẽ trả lại số tiền trên cho bà C, đồng thời có viết và ký tên người mượn Nguyễn Thị Phương N; đến ngày 20/01/2019 AL bà N đã trả cho bà C được số tiền 20.000.000 đồng. Như vậy có cơ sở xác định bị đơn bà Nguyễn Thị Phương N có mượn tiền và trả tiền như nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày và phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đã hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày mượn tiền 4/12/2018 AL (Tức ngày 09/01/2019 Dương lịch), nhưng bà N chỉ trả cho bà C được số tiền là 20.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với bà C theo thỏa thuận được ghi trong "*giấy mượn tiền đề ngày 4/12/2018 AL" (Bút lục số 13)*. Do đó, nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Phương N phải trả cho bà số tiền 100.000.000đ *(Một trăm triệu đồng)*, không yêu cầu tính lãi là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C được chấp nhận; nên bị đơn bà Nguyễn Thị Phương N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 5.000.000 đồng (100.000.000 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C.

[2.3]. Nội dung đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát thành phố Quảng Ngãi phù hợp với phân tích, đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466 và Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C. Buộc bà Nguyễn Thị Phương N phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền nợ 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng).*

2. Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương N phải chịu 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0003160 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Quyền kháng cáo và thi hành án:

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28-5-2020), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND.TP.Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP.Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thanh Tuấn